

Số: 95b /KH - MX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy chế công khai trong trường học theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2021 -2022

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường TH-THCS-THPT Mùa Xuân xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2021 -2022 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở xây dựng mỗi đoàn kết trong nội bộ trong trường học.



Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được, khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*đính kèm biểu mẫu số 05, 09*)

b. Chất lượng giáo dục thực tế: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối kỳ, cuối năm học theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, Thành phố, Quốc gia; số học sinh đủ điều kiện xét hoàn thành bậc Tiểu học, xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT. Số học sinh nam/ số học sinh nữ từng khối lớp, số học sinh dân tộc thiểu số. (*đính kèm biểu mẫu số 06, 10*)

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian:

d. Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Công khai Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ ... (*đính kèm biểu mẫu số 07, 11*)

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạnh chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và

trình độ đào tạo (đính kèm biểu mẫu số 08, 12)

3. Công khai thu chi tài chính

- a. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.
- b. Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài.
- c. Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội,

III. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

b) Thời điểm công khai:

Công khai định kỳ hằng tháng, hằng kỳ, hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thời điểm công khai vào tháng 6 hằng năm và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Triển khai kế hoạch Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 đến tập thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.
- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra thực hiện việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.
- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cấp trên:



+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Thông báo kết quả năm học 2020 và 2021 và Kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2021 – 2022 trước ngày 30/9.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai (Đính kèm Quyết định của trường TH – THCS – THPT Mùa Xuân)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2021 – 2022 của trường TH – THCS – THPT Mùa Xuân./.

Nơi nhận:

- Phòng KT&KĐCLGD;
- Ban chỉ đạo;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG 




NGUYỄN BÁC DŨNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Kế hoạch Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm 2020 - 2021 ban hành kèm theo quyết định số 1557/QĐ- UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành Phố.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục PT 2018		Chương trình BGD&ĐT hiện hành		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng giáo dục cao. - Yêu cầu thái độ học tập của học sinh: <ul style="list-style-type: none"> • Chấp hành tốt các nội quy học sinh. • Thái độ học tập tích cực, chủ động. • Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. • Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. • Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ. 				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn. - Lớp học thông thoáng, đủ ánh sáng, máy lạnh - Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cho các lớp. - Các lớp học được trang bị đầy đủ phương tiện học tập hiện đại. - Có phòng học bộ môn phục vụ học tập như các phòng: Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Võ thuật... - Có sân chơi rộng rãi, sân đa năng, hồ bơi. - Sau giờ học có các câu lạc bộ tự chọn. - Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham gia các hội thi, các giải thi đấu TDTT cấp quận, Thành phố và Quốc gia. 				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - 100% học sinh hoàn thành chương trình học của lớp. - 100% Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc. - 100% học sinh được tham gia BHYT và khám sức khỏe vào đầu năm học. 				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - 100% HS lên lớp đối với học sinh lớp 1,2,3,4. - 100% học sinh lớp 5 Hoàn thành chương trình tiểu học - Đủ khả năng để học ở cấp học trên. 				

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG 



NGUYỄN BÁC DUNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh		862	140	198	229	180	115
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày		862	140	198	229	180	115
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất		862	140	198	229	180	115
1	Khối 1,2	Khối 3,4,5	824	138	189	208	177	112
	HTT (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.6%	98.6%	95.5%	90.8%	98.3%	97.4%
2	Khối 1,2	Khối 3,4,5	38	2	9	21	3	3
	HT (tỷ lệ so với tổng số)	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4.4%	1.4%	4.5%	9.2%	1.7%	2.6%
3	Khối 1,2	Khối 3,4,5	0	0	0	0	0	0
	CHT (tỷ lệ so với tổng số)	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập		862	140	198	229	180	115
1	Khối 1,2	Khối 3,4,5	696	86	175	186	160	89
	HTXS (tỷ lệ so với tổng số)	HTT (tỷ lệ so với tổng số)	80.7%	61.5%	88.4%	81.2%	88.9%	77.4%
2	Khối 1,2	Khối 3,4,5	166	54	23	43	20	26
	HTT (tỷ lệ so với tổng số)	HT (tỷ lệ so với tổng số)	19.3%	38.6%	11.6%	18.8%	11.1%	22.6%
3	Khối 1,2	Khối 3,4,5	0	0	0	0	0	0
	HT (tỷ lệ so với tổng số)	CHT (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%	0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm							
1	Lên lớp		862	140	198	229	180	115
	(tỷ lệ so với tổng số)		100%	100%	100%	100%	100%	100%
a	Trong đó:		513	76	136	121	123	57
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)		59.6%	54.3%	68.7	52.8%	68.3%	49.6%
b			2	0	0	2	0	0
	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)		0.2%	0%	0%	0.9%	0%	0%
2			0	0	0	0	0	0
	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	0%	0%

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG 

NGUYỄN BÁC DUNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	39/39	2.7 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	39	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8763 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1364 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	645.4 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	605 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	180 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	180 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	60m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	120m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	5	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	5	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	5	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	2	
2.2	Khối lớp 2	4	
2.3	Khối lớp 3	5	
2.4	Khối lớp 4	3	
2.5	Khối lớp 5		



VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		3 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	42	1 máy/ lớp
5	Thiết bị khác...		
6		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (300 m ²)
XI	Nhà ăn	3 (1600 m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	39 phòng 2340 m ²	862	2.7 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	26		42/28		1.5m ² /1.5m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN BÁC DỤNG



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	94		1	89	2	2								
I	Giáo viên	90			90	2						94	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	26			26										
3	Tin học	4		1	3										
4	Âm nhạc	2			2										
5	Mỹ thuật	4			3										
6	Thể dục	6		2	4										
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1													
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	7		1	6										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	3			1		2								
5	Nhân viên thư viện	3			3										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin	5			5										
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3			3										

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN BÁC DŨNG



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Kế hoạch Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm 2020 - 2021 ban hành kèm theo quyết định số 773/ QĐ- UBND ngày 21 tháng 3 năm 2020 của UBND Thành Phố						
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục PT 2018 của BGD &ĐT đối với khối lớp 6,7,10			Chương trình giáo dục PT hiện hành của BGD &ĐT			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng giáo dục cao. - Yêu cầu thái độ học tập của học sinh: <ul style="list-style-type: none"> • Chấp hành tốt các nội quy học sinh. • Thái độ học tập tích cực, chủ động. • Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. • Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ. 						
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn. - Lớp học thông thoáng, đủ ánh sáng, máy lạnh - Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cho các lớp. - Các lớp học được trang bị đầy đủ phương tiện học tập hiện đại. - Có phòng học bộ môn phục vụ học tập như các phòng: Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Võ thuật... - Có sân chơi rộng rãi, sân đa năng, hồ bơi. - Sau giờ học có các lớp câu lạc bộ tự chọn. - Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, các giải thi đấu TDTT cấp quận, Thành phố và Quốc gia. 						
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện phẩm chất đạo đức khá tốt. Không có HS hạnh kiểm Trung bình - 65 % học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi. - 100% Học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS - 100% Học sinh lớp 12 được công nhận tốt nghiệp THPT - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc. - 100% học sinh được tham gia BHYT và khám sức khỏe vào đầu năm học. 						
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% học sinh được trang bị kiến thức và phẩm chất đủ khả năng để học ở lớp trên hoặc cấp học trên.						

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN BÁC DUNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	10	11	12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	578	121	127	92	74	64	41	59
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	576 99.7%	121 100%	127 100%	91 98.9%	74 100%	64 100%	40 97.6%	59 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.3%	0 0%	0 0%	1 1.1%	0 0%	0 0%	1 2.4%	0 0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	578	121	127	92	74	64	41	59
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	481 83.2%	97 80.2	104 81.9%	66 71.7%	61 82.4%	61 95.3%	35 85.4%	57 96.6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	93 16.1%	24 19.8%	23 18.1%	24 26.1%	12 16.2%	3 4.7%	5 12.2%	2 3.4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.7%	0 0%	0 0%	2 2.2%	1 1.4%	0 0%	1 2.4%	0 0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm								
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	578 100%	121 100%	127 100%	92 100%	74 100%	64 100%	41 100%	59 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	481 83.2%	97 80.2%	104 81.9%	66 71.7%	61 82.4%	61 95.3%	35 85.4%	57 96.6%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	93 16.1%	24 19.8%	23 18.1%	24 26.1%	12 16.2%	3 4.7%	5 12.2%	2 3.4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%



4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3/10 0.5% 1.7%	0/2 0% 1.7%	0/0 0% 0%	0/1 0% 1.1%	0/3 0% 4.1%	2/0 3.1% 0%	0/3 0% 7.3%	1/1 2.6% 2.6%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi								
1	Cấp huyện	0				0			0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0				0			0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	133				74			59
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	133				74			59
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					61 82.4%			Không xếp loại
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					12 16.2%			Không xếp loại
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					1 1.4%			Không xếp loại
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)								59 100%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	276/302	57/64	59/68	46/46	38/36	31/33	19/22	26/33
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	16	5	4	3	2	1		1

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


NGUYỄN BÁC DUNG



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH - THCS - THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	28	2.8 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28	2.8 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	9	2.8 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	6	2.8 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học		1 lớp/phòng học
8	Bình quân học sinh/lớp		21 học sinh/lớp
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8763 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1364 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1980 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	540 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	645.4m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	605m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	35	4 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	40	4 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	24	4 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	44	4 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 10	31	4 bộ/lớp
1.6	Khối lớp 11	11	4 bộ/lớp
1.7	Khối lớp 12	12	4 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	

2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	4	
2.4	Khối lớp 9	7	
2.5	Khối lớp 10	6	
2.6	Khối lớp 11		
2.7	Khối lớp 12	3	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	250 m ²	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	38 cái	1 Projector/ lớp
5	Thiết bị khác...		
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	38	1 ti vi/ lớp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (300 m ²)
XI	Nhà ăn	3 (1600m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	28 (1680 m ²)	578	2.8m ² / chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	32		52/50		1.5m ² /1.5m ²	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*						

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

3 TH
G TIẾ
HỌC
C PH
A XU

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG 



NGUYỄN BÁC DỤNG



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	169	1	15	134	7	3	9							
I	Giáo viên	46										44	2	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	9		6	3										
2	Lý	4		1	3										
3	Hóa	2			2										
4	Sinh	2		1	1										
5	Ngữ văn	8		5	3										
6	Ngoại ngữ	3			3										
7	Lịch sử	4		1	3										
8	Địa lý	2			2										
9	Công nghệ	2			2										
10	GDCD	2			2										
11	Tin học	2			2										
12	Mỹ thuật	2			2										
13	Âm nhạc	1			1										
14	Giáo dục thể chất	2			2										
15	Giáo dục Quốc phòng	1			1										
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1	1												
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	7		1	6										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	3			1		2								
5	Nhân viên thư viện	3			3										



6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1											
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	2			2											
8	Nhân viên công nghệ thông tin	5			5											
9	Nhân viên khác	56														

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



(Handwritten signature)
NGUYỄN BÁC DỤNG



